

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VỚI DOANH NGHIỆP CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP

ThS. LÊ HÀ MINH*

1. Những yêu cầu đặt ra đối với Trường Cao đẳng công đồng (CĐCĐ) Đồng Tháp về phát triển quan hệ với doanh nghiệp (DN)

Đồng Tháp là một tỉnh thuần nông nên mục tiêu đặt ra của chính quyền địa phương là thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Muốn vậy, phải có lực lượng lao động có tay nghề cao, do đó, vấn đề cấp bách đặt ra là các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh phải thay đổi phương thức đào tạo để đáp ứng nhu cầu của xã hội, mà một trong những phương thức hiệu quả nhất là thông qua liên kết đào tạo với doanh nghiệp.

Trước đây, việc đưa sinh viên (SV) Trường CĐCĐ Đồng Tháp đi thực tập ở các DN chủ yếu dựa trên các mối quan hệ cá nhân giữa lãnh đạo trường với lãnh đạo các DN. Điều này đặt trường và SV ở thế hoàn toàn bị động vì nhà trường không thể chủ động tổ chức cho SV đi thực tế cơ sở nếu không được sự đồng ý, hợp tác của các DN.

Trong những năm gần đây, với việc mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo, số lượng học sinh, sinh viên (HS-SV) ra trường gia tăng theo từng năm. Việc nắm bắt nhu cầu tuyển dụng của các DN để có cơ sở giới thiệu việc làm cho HS-SV ngày một cấp thiết; giải quyết đầu ra cho HS-SV tốt nghiệp là cơ sở tạo lập lòng tin để phụ huynh và SV khi đăng kí dự tuyển vào trường. Thực tế cho thấy, trong những năm qua, nhiều trường không thể tuyển sinh được; nhiều ngành ở một số trường cao đẳng, đại học, kể cả những trường có danh tiếng không tuyển sinh đủ chỉ tiêu, mà một trong những nguyên nhân là do SV không tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Điều này tạo ra một sự lãng phí hết sức to lớn đối với bản thân người học, gia đình và cả xã hội.

Một vấn đề khác cũng cần được quan tâm, đó là HS-SV ra trường có đáp ứng được yêu cầu công việc khi tham gia vào thị trường lao động không? DN phản hồi như thế nào về chất lượng đào tạo của nhà trường? Xuất phát từ thực tế đó, việc xây dựng, thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường và DN để hỗ trợ đào tạo,

chuyên giao công nghệ cũng như sử dụng lực lượng lao động sau khi ra trường... là rất cần thiết.

2. Thực trạng về mối quan hệ giữa Trường CĐCĐ Đồng Tháp với DN

2.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lí (CBQL), giảng viên (GV) và DN về phát triển mối quan hệ giữa nhà trường với DN. Để làm rõ hơn thực trạng về phát triển quan hệ giữa Trường CĐCĐ Đồng Tháp với DN, năm 2013, chúng tôi đã tiến hành khảo sát nhận thức của 30 CBQL (gồm ban giám hiệu trường, lãnh đạo 3 khoa, 2 phòng: Đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp (QHĐN)). Kết quả cho thấy: - Có sự thống nhất nhận thức giữa CBQL và DN về vai trò của mỗi quan hệ giữa nhà trường với DN; - Về nội dung quan hệ: có sự thống nhất về nhận thức của CBQL và GV trường, việc tiếp nhận ý kiến phản hồi về chất lượng SV do trường đào tạo; ý kiến không đồng ý chiếm tỉ lệ hơn 14%; - Về hình thức quan hệ: có sự thống nhất về việc đào tạo theo nhu cầu và tuyển dụng lao động, riêng việc kí kết thỏa thuận hợp tác về thực hành, thực tập và hội thảo giữa trường và DN để trao đổi về chương trình hoặc kí kết các thỏa thuận hợp tác vẫn còn có ý kiến không khả thi; - Về các hoạt động phát triển quan hệ với DN: có một số ý kiến chưa đồng ý việc HS-SV sẽ tiếp cận với công nghệ mới cũng như DN không phải đào tạo lại lao động; thống nhất cao về việc trường phải chủ động lập kế hoạch phát triển quan hệ giữa Trường CĐCĐ với DN; việc tổ chức phòng/bộ phận phụ trách quan hệ DN được nhất trí cao và việc kiểm tra, đánh giá cũng được các đối tượng khảo sát nhất trí.

2.2. Thực trạng quan hệ giữa Trường CĐCĐ Đồng Tháp với DN

Việc thành lập Phòng QHĐN của Trường CĐCĐ Đồng Tháp: Từ thực tiễn tham quan mô hình liên kết đào tạo giữa trường với các công ti tại Đại học Texas Tech (Hoa Kỳ) với hãng máy bay Boeing, nhà trường đã có văn bản đề nghị và được UBND tỉnh cho phép

* Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ

thành lập phòng QHDN với chức năng và nhiệm vụ “đào tạo gắn nhu cầu xã hội”.

Về quy mô, cơ cấu: phòng có 1 trưởng phòng nguyên là giám đốc trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề, 3 chuyên viên, 1 phụ trách thông tin về HS-SV, 1 phụ trách QHDN và 1 phụ trách hợp tác quốc tế. Ngoài phụ trách chung, trưởng phòng còn chịu trách nhiệm tổ chức các lớp đào tạo cao cấp theo yêu cầu DN như các lớp “giám đốc điều hành” (C.E.O), “giám đốc tài chính” (C.F.O)... nên mối quan hệ giữa trường với DN tương đối thuận lợi.

2.3. Kết quả hoạt động trong việc phát triển quan hệ giữa trường với DN

2.3.1. Đào tạo theo nhu cầu xã hội: Nhà trường đã đào tạo theo “đơn đặt hàng” của các DN như mở các khoá tập huấn ngắn hạn, chuyên đề phục vụ cho yêu cầu bồi dưỡng và phát triển doanh nghiệp: sơ cấp kế toán, giám đốc điều hành, giám đốc tài chính, giám đốc kinh doanh và nhân sự, đào tạo tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế... Phối hợp mở các lớp khởi sự DN cho SV nhà trường, lớp bồi dưỡng kế toán trưởng cho DN, kĩ năng mềm cho các DN. Đối với các lớp ngắn hạn, nhà trường chủ trương không hạch toán lỗ, lãi; tập trung phục vụ tốt nhất cho học viên vì đơn vị liên kết đào tạo thu học phí rất cao, do đó đã tạo được sự liên kết với hệ thống lãnh đạo các DN trong toàn tỉnh; nhờ vậy trường có thể yêu cầu hỗ trợ DN thuận lợi hơn. Thực tế, nhà trường đã thiết lập hệ thống với trên 50 DN tham gia hợp tác, hỗ trợ trường trong nhiều hoạt động khác nhau.

2.3.2. Kí kết thỏa thuận hợp tác với DN: Kể từ 2009-2010, Trường CĐCĐ Đồng Tháp đã kí kết chương trình phối hợp Đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn và đào tạo nghề cho nông dân giai đoạn 2009 - 2011 với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội DN tỉnh Đồng Tháp; đã tổng kết và kí chương trình phối hợp giai đoạn 2011-2015.

Năm học 2012-2013, cùng với hội nghị tổng kết 1 năm thực hiện chương trình phối hợp, nhà trường đã kí kết Bản thoả thuận về việc hợp tác trong đào tạo với VNPT Đồng Tháp và các công ti TNHH như: GreenFeed Việt Nam, Hùng Cá, MTV Chế biến thủy sản Hoàng Long, Pharmaq Việt Nam, Giống Cây trồng Nông hữu...; phối hợp với các công ti, DN tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề giúp SV chuẩn bị tương lai sau tốt sau khi ra trường; chia sẻ kinh nghiệm thực tế, nâng cao phát triển các kĩ năng mềm.

Trong năm học 2013-2014, trường đã tổ chức 3 buổi báo cáo chuyên đề: “SV với công nghệ mới”. Giới

thiệu lĩnh vực kinh doanh, thế mạnh của VNPT, các dịch vụ do VNPT Đồng Tháp cung cấp...; “Các hệ thống quản lí chất lượng của Công ti ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu”, “Ứng dụng và kĩ thuật tiêm vắc xin trong nuôi trồng thủy sản” do công ti TNHH Pharmaq Việt Nam báo cáo. Ngoài ra, nhà trường cũng tổ chức nhiều hội thảo, giao lưu với DN, chương trình phối hợp với hội DN, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, tổ chức hội thảo hằng năm giữa nhà trường, DN và nhà tuyển dụng. Hội thảo là dịp để nhà trường lắng nghe ý kiến góp ý của DN, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của trường, đồng thời là cơ hội để SV tiếp xúc, trao đổi với DN về yêu cầu trình độ, kĩ năng của SV sau khi ra trường. Hội thảo cũng là dịp để nhà trường tháo gỡ khó khăn và thu hẹp dần khoảng cách về số lượng và chất lượng giữa “cung cầu” nguồn nhân lực.

2.3.3. Giới thiệu SV thực tập: Phòng QHDN của trường đã giới thiệu trên 300 lượt HS-SV đến các DN; 100% SV tham gia thực tế tại các DN do trường giới thiệu, giáo viên tại DN đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm, tư liệu phục vụ cho công tác giảng dạy.

Như vậy, với việc hợp tác phát triển với DN, nhà trường đang chủ động thay đổi quan niệm: Đào tạo “cái mình có” thành cái xã hội, DN cần. Ngược lại, DN hoàn toàn chủ động nguồn nhân lực phục vụ chiến lược phát triển và rút ngắn thời gian đào tạo lại.

2.3.4. Vận động các DN tài trợ học bổng “Vì sự phát triển của cộng đồng” nhằm hỗ trợ một phần kinh tế cho HS-SV vượt khó học giỏi. Nếu năm đầu tiên mới có hơn 20 DN và cá nhân tài trợ thì đến nay đã có hơn 50 cá nhân, DN trong và ngoài tỉnh đã tham gia tài trợ học bổng.

Bảng 1. Kết quả vận động học bổng qua 4 năm

Năm 2010 - 2011	75 suất học bổng	Mỗi suất học bổng trị giá 1 triệu đồng
Năm 2011 - 2012	100 suất học bổng	
Năm 2012 - 2013	120 suất học bổng	
Năm 2013 - 2014	Gần 208 suất học bổng	

2.4. Mức độ đáp ứng yêu cầu của HS-SV, sự hài lòng của DN và HS-SV

+ Nhà trường đã tiến hành khảo sát 5 DN trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (với tổng số phiếu là 40) mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của SV do trường đào tạo. Kết quả cho thấy, SV mới ra trường đáp ứng yêu cầu của công việc: 61,48%; SV mới ra trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 49,14%; SV mới ra trường phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng: 41,70%.

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp, mức độ hài lòng của các DN đối với SV do trường đào tạo, kết

quả cho thấy: mức độ *hài lòng* và *rất hài lòng* của các DN đối với HS-SV tốt nghiệp do trường đào tạo: 66,67%; không có ý kiến không hài lòng.

+ Mức độ *hài lòng* của SV tốt nghiệp: - *Đối với vấn đề cơ sở vật chất*, SV ngành tin học có mức độ "*không hài lòng*" cao nhất. Điều này hoàn toàn phù hợp thực tế vì trường chưa trang bị phòng thiết bị tin học riêng cho ngành này mà dùng chung phòng máy với các ngành học khác; - *Về điều kiện thực tập*: mức độ "*không hài lòng*" ở ba ngành học Kế toán, Công nghệ thực phẩm và Tin học là tương đương. Nguyên nhân là do vẫn còn có những trở ngại nhất định khi giới thiệu SV về các cơ sở thực tập, nhất là ngành Kế toán (thường các cơ sở chỉ cho SV thực tập ở khâu lập chứng từ, còn các loại sổ sách kế toán và báo cáo tài chính thuộc phạm vi "bí mật" của DN nên rất khó tiếp cận).

Hầu hết ý kiến của SV đều đề nghị tăng cường thực hành nhiều hơn (cách lập báo cáo, ghi sổ...); GV nên sử dụng giáo án điện tử, mời GV có nhiều kinh nghiệm thực tế; tạo điều kiện cho SV tiếp cận với DN nhiều hơn; đầu tư thêm phòng máy để SV thực hành; sửa chữa kịp thời những máy bị hư hỏng hỏng, tăng cường cho HS-SV được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm hoặc tham gia các báo cáo chuyên đề với DN.

2.5. Tổng hợp, thống kê tình trạng SV có việc làm: Hoạt động thu thập dữ liệu hằng năm về HS-SV tốt nghiệp có việc làm được thực hiện một cách có hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu "ba công khai" theo quy định của Bộ GD-ĐT, ngoài ra, việc nắm thông tin này giúp trường đánh giá được nhu cầu của thị trường lao động để điều chỉnh chỉ tiêu đào tạo của các ngành.

Để thu thập thông tin, nhà trường phân chia dữ liệu HS-SV thành ba nhóm: nhóm tiếp tục học liên thông (dữ liệu này tách ra khỏi thống kê việc làm), nhóm có việc làm ngay sau tốt nghiệp và nhóm chưa tìm được việc làm (sẽ được thống kê tiếp tục sau ba tháng, sáu tháng và 1 năm. Do hệ thống thông tin liên lạc bằng điện thoại rất phổ biến nên việc lấy thông tin từ SV tương đối thuận lợi (xem *bảng 2*):

Bảng 2. Tổng hợp tình hình SV ra trường có việc làm

Khảo sát SV tốt nghiệp	2011	2012	2013
Số SV có việc làm ngay khi ra trường	34,45%	49,74%	37%
Số SV có việc làm sau 3 tháng	50,2%	75%	73%
Số SV có việc làm sau 6 tháng	71,70%	89%	77%
Số SV có việc làm sau 1 năm	87,18 %	91%	92%

Nghiên cứu cho thấy, SV ra trường có việc làm rất cao, là kết quả tổng hợp của việc phát triển quan hệ

giữa trường với DN. Nhà trường có đầy đủ dữ liệu chi tiết về số SV này (tên công ti, địa chỉ, số điện thoại, chức vụ, mức lương...). Hiện nay, SV của trường có mặt hầu hết các DN trong tỉnh, nhiều SV trở thành cán bộ chủ chốt của các DN, là tấm gương để các SV đang theo học phấn đấu noi theo.

3. Tóm lại, vai trò, tầm quan trọng của mối quan hệ, hỗ trợ, hợp tác giữa nhà trường và các DN là rất quan trọng. Trong những năm qua, Trường CĐCĐ Đồng Tháp đã thu hút được một số DN tham gia vào sự nghiệp đào tạo của trường. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, việc phát triển quan hệ giữa Trường CĐCĐ với DN cũng gặp những khó khăn nhất định, đòi hỏi phải tìm ra những giải pháp có tính đột phá và đồng bộ nhằm tạo điều kiện đưa hoạt động này đạt chất lượng và hiệu quả ngày một tốt hơn. □

Tài liệu tham khảo

- Ban liên lạc các trường cao đẳng cộng đồng Việt Nam. "Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động và chiến lược phát triển mô hình cao đẳng cộng đồng Việt Nam đến năm 2010". 2006.
- Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp "Về việc đánh giá thành tựu 10 năm đầu thế kỉ XXI".
- Bộ GD-ĐT, Thông báo số 109/TB-BGDĐT ngày 16/03/2010 Kết luận của Phó thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị triển khai Chỉ thị số 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ GD-ĐT về đổi mới quản lí giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012
- Chỉ thị số 53/2007/CT-BGDĐT ngày 07/09/2007 của Bộ GD-ĐT về việc triển khai cuộc vận động "Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội".
- Chính phủ. *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- Ngô Văn Trung. Báo cáo tổng kết đề tài "Xây dựng các trường cao đẳng địa phương theo hướng đáp ứng nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 2005.

SUMMARY

Since the effectiveness of the link with the enterprise, the college is actively changing perceptions: Instead of training what you have, the college should be directed to what businesses need. The enterprise training is the problem requires vision and long-term strategy for sustainable development, responsible for workers, contributing to improving the rate of trained labour in society... More generally, training of the initial community colleges in Vietnam confirmed the superiority of a new type of college.